CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Vận tải và Thuê tàu

Ngày 30/06/2025	11,000 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	3.8%	**-3.5%**	**-4.3%**

DT thuần
Q2/25
31.5
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 5.30| 20.2%
YoY: ▲ 7.50| 31.2%

LN thuần
Q2/25
6.87
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 2.49| 56.8%
YoY: ▼0.70| -9.3%

LN sau thuế
Q2/25
5.90
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 2.79| 89.8%
YoY: ▼0.07| -1.1%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/25
21.7%
YoY: +/-▲ 5.4%

ROE (TTM)
Q2/25
5.4%
YoY: +/-▼ 0.1%

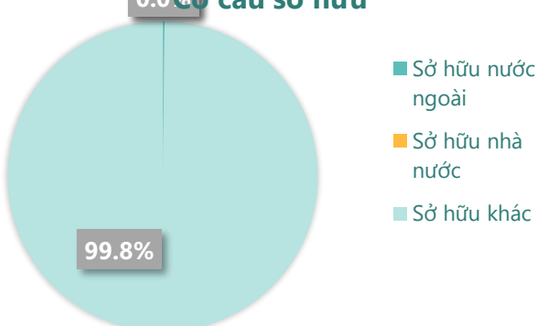
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	10,600 - 15,600
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	165
Số lượng CPLH (CP)	15,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	55
Sở hữu nước ngoài	0.2%
Beta	(0.09)
EPS	1,136
P/E	9.7

DT thuần
6T 2025
57.7
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 13.8| 31.5%

LN thuần
6T 2025
11.3
tỷ VNĐ
YoY: ▼30.9| -73.3%

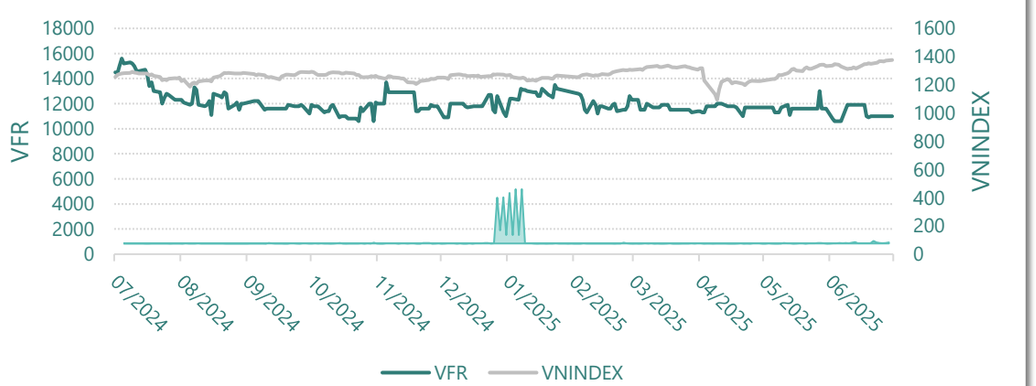
LN sau thuế
6T 2025
9.01
tỷ VNĐ
YoY: ▼9.69| -51.9%

Cơ cấu sở hữu

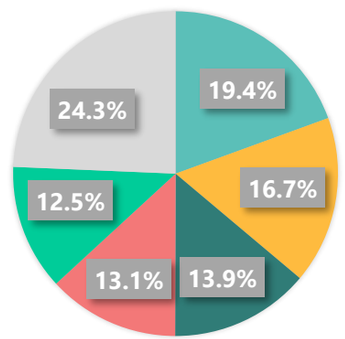


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

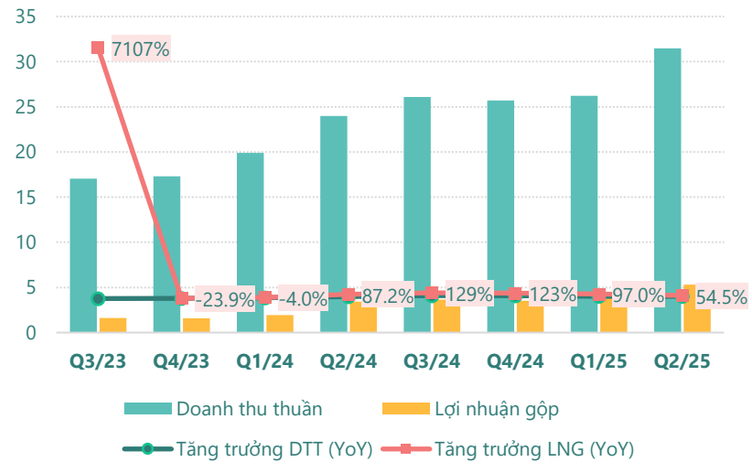


- CTCP Thương mại và Dịch vụ Du lịch Ba Đình
- Vũ Thị Hạnh
- Công ty TNHH MTV Thương mại và Đầu tư Hưng Phú
- Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Hòa An
- Nguyễn Thị Thanh
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

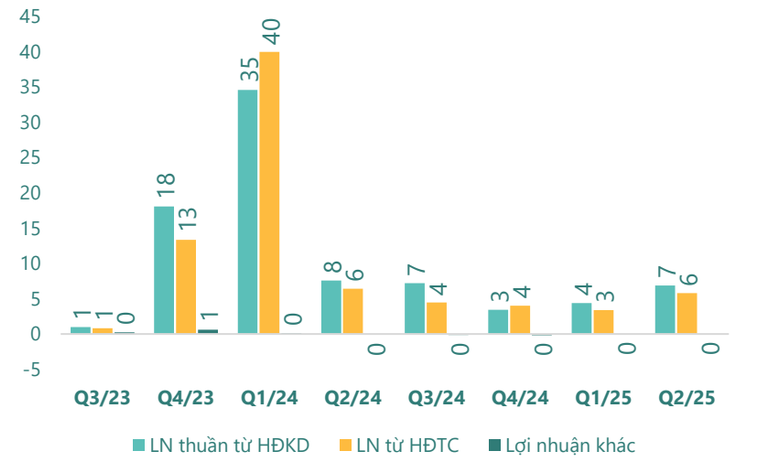
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



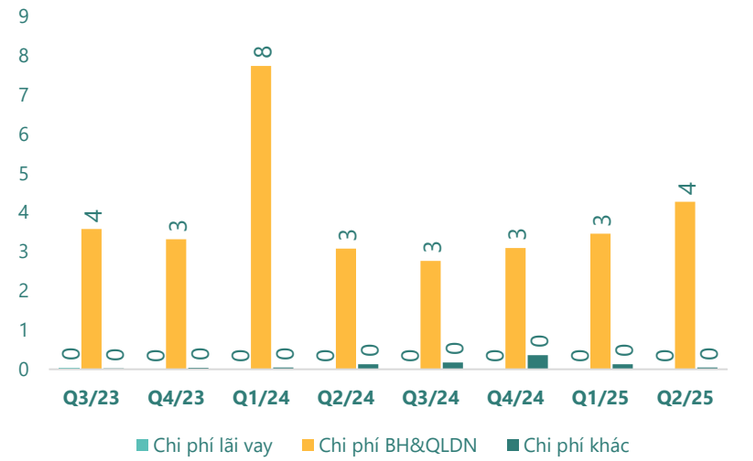
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



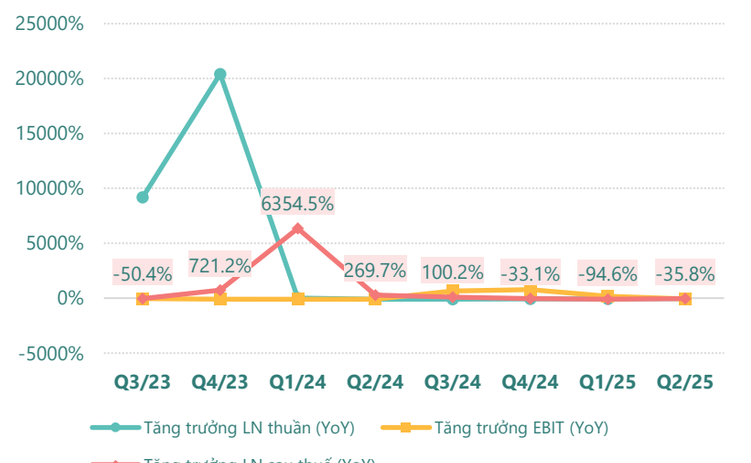
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



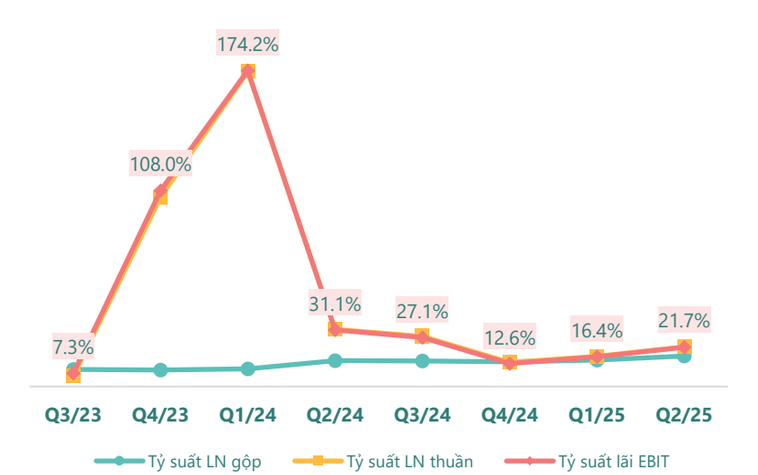
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



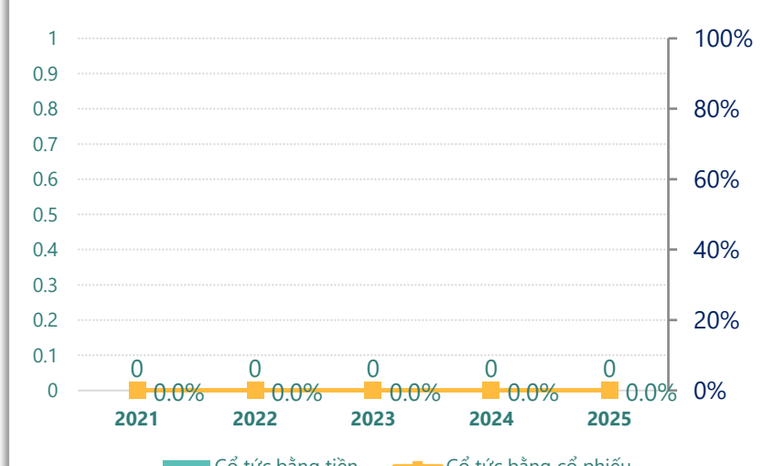
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

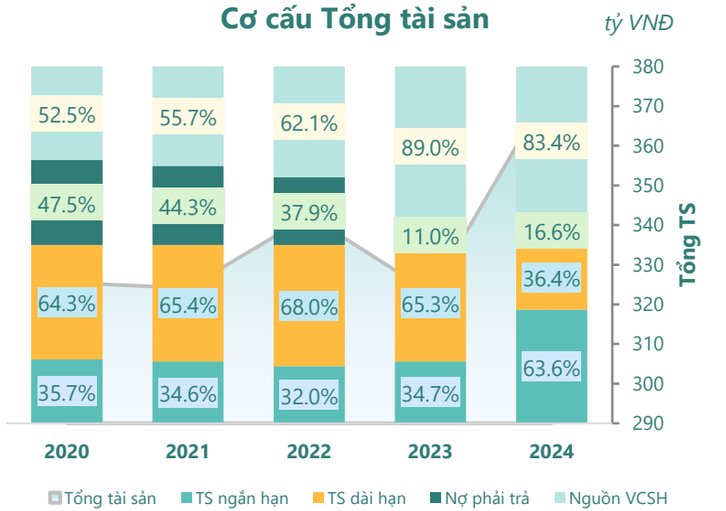
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

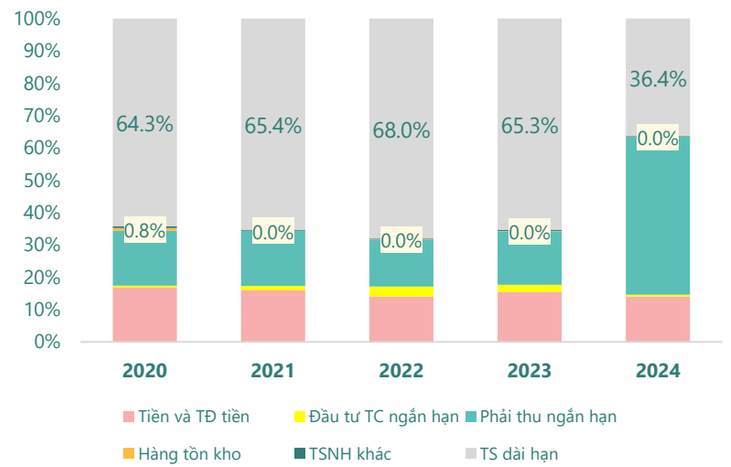
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



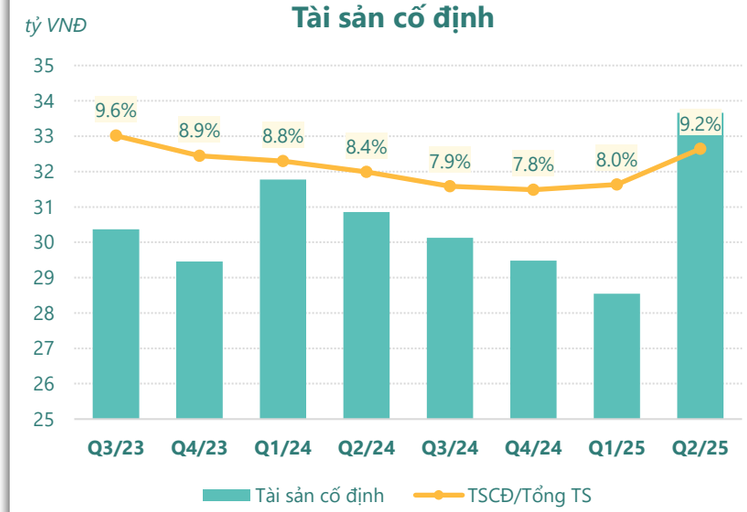
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



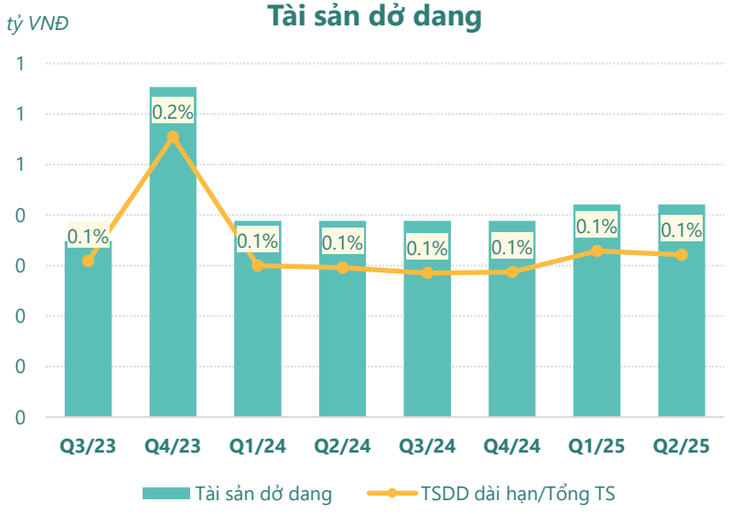
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



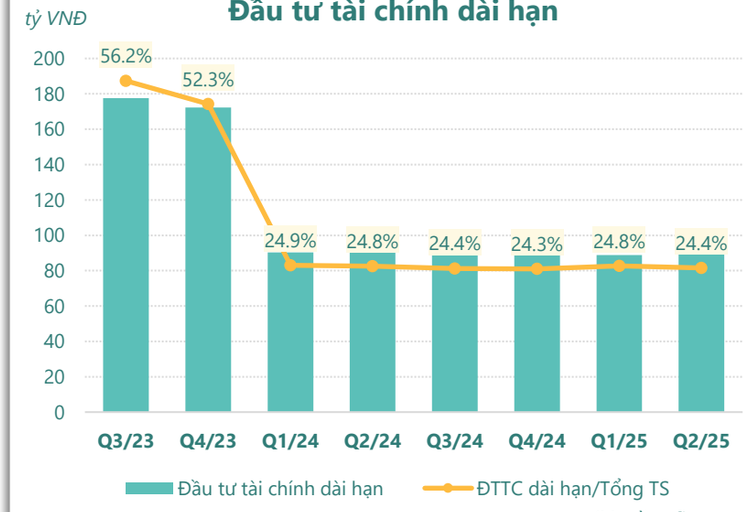
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



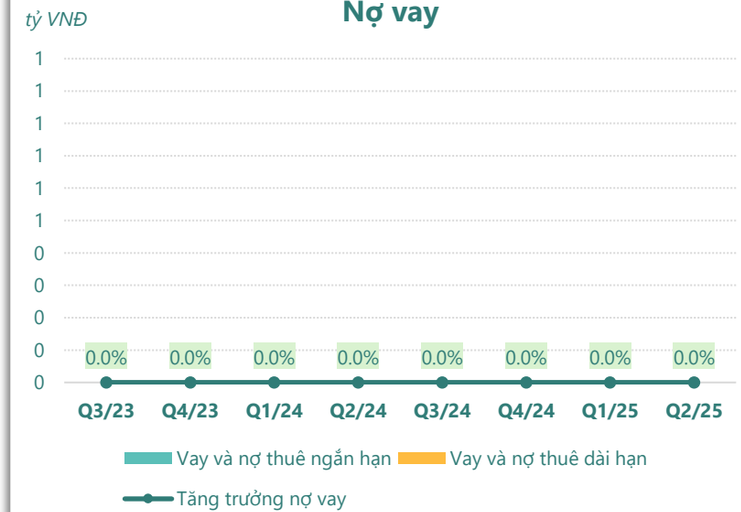
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

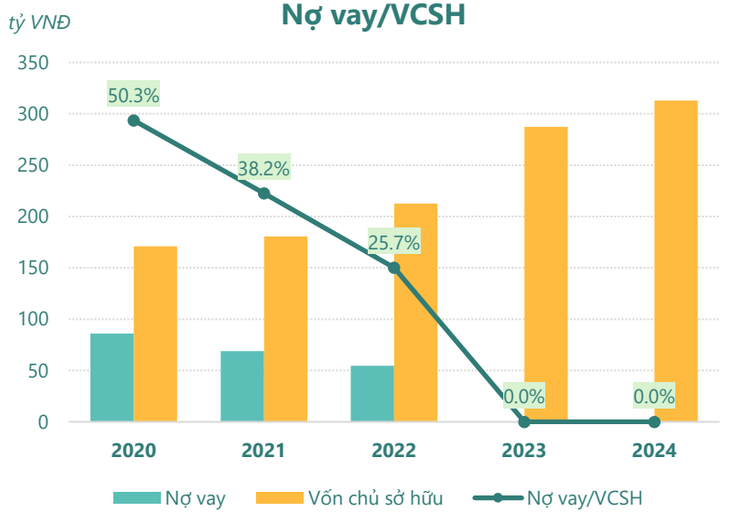
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

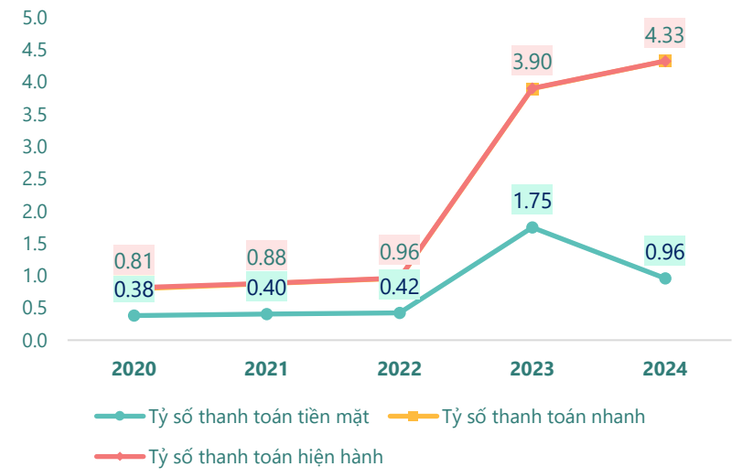
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



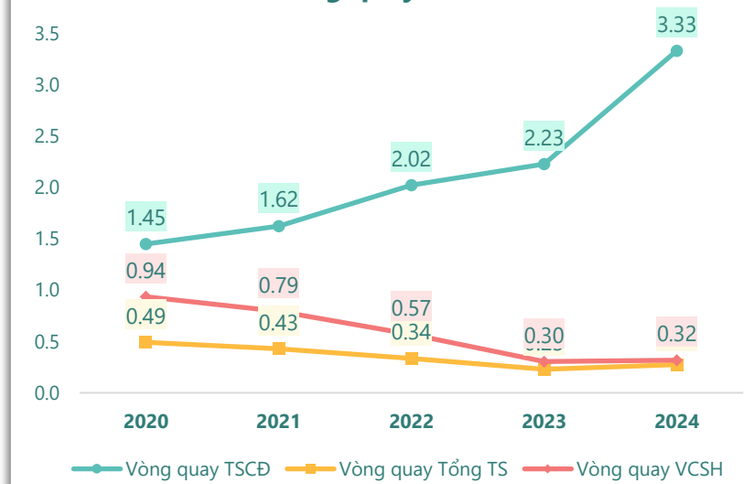
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



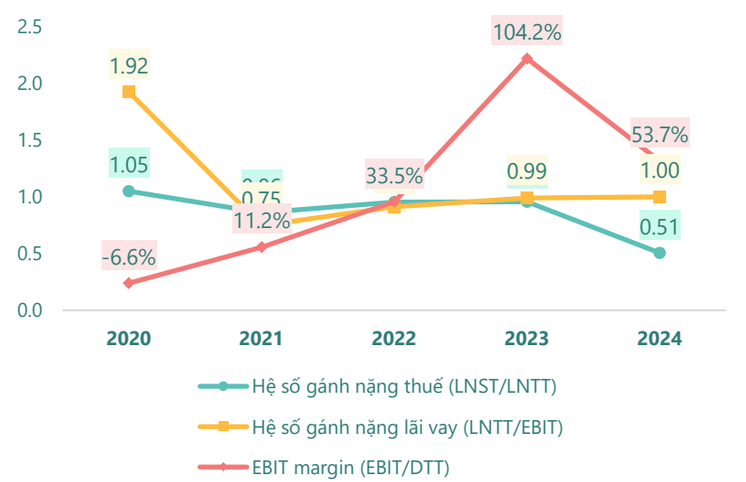
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



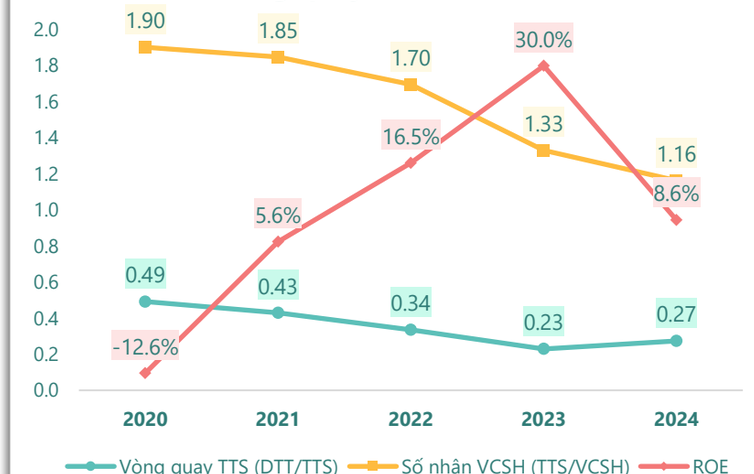
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



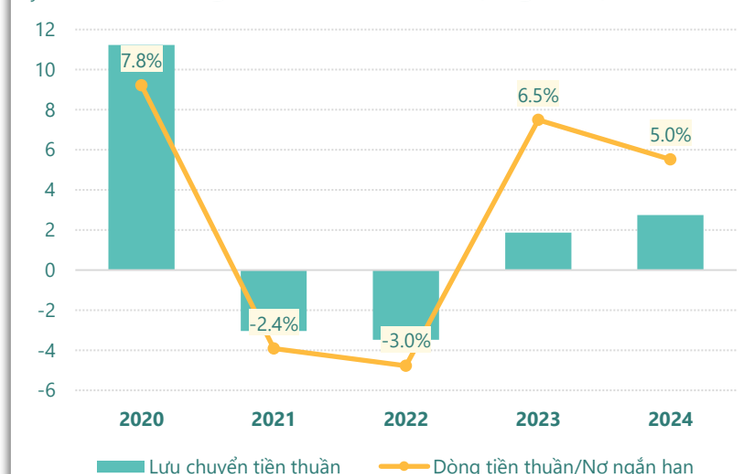
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**31.5**	**24.0**	**31.2%**	**57.7**	**43.9**	**31.5%**
Giá vốn hàng bán	26.2	20.5	27.8%	48.6	38.5	26.2%
Lợi nhuận gộp	5.30	3.43	54.4%	9.12	5.37	69.9%
Doanh thu HĐTC	5.82	6.42	-9.4%	9.21	46.4	-80.2%
Chi phí TC	0.03	0.01	156%	0.03	0.01	126%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	**0.05**	**0.81**	**-93.5%**	**0.69**	**1.21**	**-43.5%**
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**4.27**	**3.08**	**38.7%**	**7.73**	**10.8**	**-28.5%**
LN thuần từ HĐKD	6.87	7.57	-9.3%	11.3	42.2	-73.3%
Lợi nhuận khác	**-0.03**	**-0.10**	**69.2%**	**-0.12**	**0.00**	**-7563%**
LN trước thuế	6.84	7.47	-8.5%	11.1	42.2	-73.6%
Lợi nhuận sau thuế	**5.90**	**5.97**	**-1.1%**	**9.01**	**18.7**	**-51.9%**
LNST của CĐ cty mẹ	**5.84**	**5.93**	**-1.5%**	**8.90**	**18.7**	**-52.3%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-17.5	5.13	14.0	0.69	-10.9	-15.2
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.78	-1.74	3.74	-0.45	128	5.97
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	0	0	0
Tiền đầu kỳ	50.1	33.4	36.8	54.6	52.8	170
Lưu chuyển tiền thuần	**-16.8**	**3.39**	**17.7**	**0.24**	**117**	**-9.27**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.03	0.08	0	0	0.00	0.06
Tiền cuối kỳ	33.4	36.8	54.6	54.8	170	160

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**367**	**375**	**-2.2%**
Tài sản ngắn hạn	226	239	-5.5%
Tiền và tương đương tiền	160	52.8	204%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	7.00	2.00	250%
Phải thu ngắn hạn	57.4	183	-68.6%
Hàng tồn kho	0.15	0.09	66.2%
Tài sản ngắn hạn khác	0.82	1.01	-18.5%
Tài sản dài hạn	**141**	**136**	**3.6%**
Phải thu dài hạn	2.39	0.42	468%
Tài sản cố định	33.7	29.5	14.0%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.42	0.39	8.4%
Đầu tư tài chính dài hạn	89.7	90.9	-1.3%
Tài sản dài hạn khác	**15.1**	**15.2**	**-0.6%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	45.3	62.2	-27.2%
Nợ ngắn hạn	**38.4**	**55.2**	**-30.5%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	9.08	5.57	63.0%
Nợ dài hạn	6.89	6.99	-1.3%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**322**	**313**	**2.8%**
Vốn chủ sở hữu	**322**	**313**	**2.8%**
Vốn điều lệ	150	150	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)